TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1050/2024/HC-PT
Ngày: 19 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 535/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai ".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2375/2024/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Võ Diệu T, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc K - sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Huỳnh Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh C (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1/Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Nguyễn Phương B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C:

- Ông Bùi Tứ H - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C (vắng mặt).

- Ông Lê Văn M - Phó Phòng quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Lô G, đường T, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Lê Khải H1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Khải H1: Bà Huỳnh Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh C (có mặt).

2/Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc B1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/Ông Lê Tấn P (xin vắng mặt).

4/Ông Trần Văn L (vắng mặt).

5/Ông Trần Văn H2 (vắng mặt).

6/Bà Lê Hồng T1 (vợ ông Nguyễn Quốc C) (vắng mặt).

7/Ông Võ Văn C1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là bà Võ Diệu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày: Phần đất diện tích 12.000 m^2 có nguồn gốc đất là của ông bà cho cha chồng của bà Võ Diệu T là ông Lê Thanh N. Ông Lê Thanh N cho lại vợ chồng bà Võ Diệu T, ông Lê Khải H1 sử dụng từ năm 1970. Đến năm 2003 thì không tiếp tục sử dụng do không có đường cống xổ nước. Trong diện tích 12.000m^2 thì có khoảng 1.000m^2 là đất nghĩa trang đã có từ trước đó. Năm 1985, nghĩa trang D1 đi nơi khác thì chính quyền địa phương có động viên vợ chồng bà Võ Diệu T đắp bờ bao khu đất để ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ cho việc trồng lúa của các thửa đất liền kề bên trong. Phần đất nêu trên đã được ông Lê Thanh N đăng ký sổ mục kê vào năm 1990 và đã đóng thuế sử

dụng đất từ năm 1992. Đến năm 2002 thì xảy ra tranh chấp với ông Lê Tấn P và được chính quyền địa phương giải quyết, sau đó không còn tranh chấp. Năm 2019, vợ chồng bà Võ Diệu T yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 với nội dung phần đất mà ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T yêu cầu cấp giấy chứng nhận đang có tranh chấp và không phù hợp với quy hoạch nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Võ Diệu T khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên Thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 với nội dung: Phần đất có diện tích 10.252,4m^2 là đất xây dựng nghĩa trang, thời gian quản lý sử dụng của vợ chồng bà Võ Diệu T là không ổn định, không liên tục, đất đang có tranh chấp và vợ chồng bà Võ Diệu T không phải là người đang sử dụng đất. Bà Võ Diệu T tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số: 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 về việc giải quyết khiếu nại và giữ nguyên nội dung Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, với lý do nguồn gốc đất đã được nhà nước quản lý sử dụng làm nghĩa trang từ năm 1961, việc sử dụng đất của hộ gia đình bà Võ Diệu T từ năm 1986 đến năm 1995 là khai phá đất hoang do nhà nước quản lý, sử dụng làm đê ngăn mặn, giữ ngọt và nuôi tôm, do phần đất này tiếp giáp với phần đất phía trong của gia đình. Từ đó, bà Võ Diệu T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và hủy Quyết định số: 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Phần đất mà bà Võ Diệu T, ông Lê Khải H1 xin cấp quyền sử dụng là đất có nguồn gốc của ông Lê Văn L1 (là ông nội của ông Lê Tấn P) khai phá và đã hiến cho Nhà nước xây dựng nghĩa trang từ năm 1961. Năm 1986, khi nghĩa trang D1 về huyện N thì gia đình ông Lê Khải H1 bao chiếm để nuôi tôm. Năm 1989 xảy ra tranh chấp với ông Lê Tấn P và được Ủy ban xã T hòa giải, ông Lê Tấn P giữ quan điểm là hiến đất cho Nhà nước chứ không đồng ý để gia đình bà Võ Diệu T sử dụng. Từ năm 2003 gia đình bà Võ Diệu T không còn sử dụng phần đất này và phần đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh C phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu Trung tâm hành chính xã T vào năm 2004. Nguồn gốc phần đất không do gia đình bà Võ Diệu T khai phá; sử dụng không liên tục, không ổn định và gia đình bà Võ Diệu T không còn sử dụng đất từ năm 2003. Phần đất đã được Nhà nước quản lý, sử dụng để xây dựng nghĩa trang và hiện đang quy hoạch Khu Trung tâm hành chính xã T. Việc ban hành Thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là thực hiện đúng trình tự thủ tục và đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C: Nguồn gốc đất của thân tộc gia đình

ông Lê Khải H1 và ông Lê Tấn P, trong đó phần đất tại thửa số 10 tờ bản đồ số 3 diện tích 12.000m^2 có nguồn gốc là của ông Lê Văn L1 (tuy nhiên không xác định chính xác diện tích, ranh giới phần đất), khu đất này là biền lá không thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và trong thời kỳ chiến tranh không ai quản lý, sử dụng (hoang hóa). Năm 1961, Nhà nước có sử dụng khoảng 1.000m^2 đất để làm nghĩa trang liệt sĩ. Năm 1986 gia đình bà Võ Diệu T đắp bờ bao trên phần đất này để ngăn mặn, giữ ngọt cho phần đất bên trong liền kề. Đến năm 1995 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Lê Tấn P (mẹ là bà Phan Thị S1) nhưng sau khi Chính quyền địa phương hòa giải không thành, gia đình ông Lê Khải H1 (chồng bà Võ Diệu T) vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2002 thì không sử dụng nữa do không còn đường cống xổ nước.

Phần đất trên gia đình bà Võ Diệu T không quản lý sử dụng từ năm 2003 đến nay. Trong khi đó Nhà nước đã quản lý, sử dụng làm nghĩa trang từ năm 1961. Năm 2004, phần đất trên đã được quy hoạch làm Khu Trung tâm hành chính của xã T nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số: 575/QĐ- UBND ngày 08/4/2020 giải quyết khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T.

Ủy ban nhân dân xã T thống nhất ý kiến của người bị kiện và xác định hiện nay phần đất này quy hoạch Khu Trung tâm Hành chính xã là cần thiết, phục vụ cho lợi ích công cộng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T.

Ông Lê Tấn P: Nguồn gốc phần đất là do ông nội của ông là ông Lê Văn L1 khai phá. Năm 1961 cho Nhà nước mượn làm nghĩa trang. Năm 1986 nghĩa trang D1 đi nơi khác, gia đình ông chờ Nhà nước giao trả lại đất thì gia đình bà Võ Diệu T bao chiếm phần đất để làm vuông nên xảy ra tranh chấp. Năm 1998 được chính quyền địa phương, Ủy ban xã T giải quyết và đã buộc gia đình bà Võ Diệu T trả lại đất. Sau khi hòa giải, gia đình ông đã thống nhất giao phần đất trên cho Ủy ban xã T quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng. Nay ông chỉ thống nhất giao phần đất trên cho Ủy ban xã T quản lý, sử dụng vào mục đích chung chứ không đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Võ Diệu T.

Ông Lê Khải H1 không có ý kiến khác so với ý kiến và yêu cầu của bà Võ Diệu T.

Ông Trần Văn H2; bà Lê Hồng T1 (vợ ông Nguyễn Quốc C); ông Võ Văn C1 xác định: Ông Trần Văn H2 làm nhà trên đất vào năm 1997 có hỏi ý kiến của ông Lê Thanh N (cha chồng bà Võ Diệu T) và có sự đồng ý của ông Lê Tấn P. Vào năm 1997 thì gia đình ông Lê Thanh N đang làm vuông tôm trên đất. Hiện nay việc khởi kiện của bà Võ Diệu T thì ông không có yêu cầu gì. Bà Lê Hồng T1 thì xác định là gia đình bà làm nhà ở vào năm 1999 được sự đồng ý của ông Lê Tấn P. Còn ông Võ Văn C1 cất nhà ở trên đất vào năm 2001. Việc khởi kiện của bà Võ Diệu T thì đối với bà Lê Hồng T1 cũng như ông Võ Văn C1 không có yêu cầu gì, khi nào Nhà nước có yêu cầu thì sẽ trả đất. Ông Trần Văn L không có ý kiến về việc khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T. Hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ; Hủy Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Hủy Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 361/2023/HC-PT ngày 26/5/2023 của Tòa án Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy toàn bộ án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quá trình giải quyết lại vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/4/2024, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Diệu T, ông Lê Khải H1 còn cho rằng về nguồn gốc đất thì vào khoảng năm 1961 Nhà nước chỉ sử dụng làm Nghĩa trang khoảng 1.000m^2, đến năm 1986 nghĩa trang di dời, Ủy ban nhân dân xã Đ ông Lê Khải H1 bao ví ngăn mặn để trồng lúa. Phần diện tích còn lại khoảng 11.000m^2 là do ông Lê Khải H1 khai phá. Từ năm 2012 khi bà Võ Diệu T yêu cầu cấp quyền sử dụng đất cho đến nay không ai tranh chấp. Việc quy hoạch Khu Trung tâm hành chính xã thì người bị kiện không cung cấp được tài liệu để chứng minh; việc nộp thuế sử dụng đất đã chứng minh là do ông Lê Khải H1 nộp thuế cho tất cả phần đất do hộ bà Võ Diệu T sử dụng và không sử dụng đất liên tục là do Ủy ban nhân dân xã T ngăn cản chứ không phải do bà Võ Diệu T không sử dụng phần đất. Từ đó, giữ y yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T về việc yêu cầu hủy Thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và hủy Quyết định số: 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2024, người khởi kiện là bà Võ Diệu T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Võ Diệu T (có ông Nguyễn Ngọc K đại diện theo

ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, vì đất có nguồn gốc do bà T tạo lập và canh tác ổn định, lâu dài, không có tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là bà Huỳnh Mỹ S phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T vì đất có nguồn gốc do cha bà T là ông Lê Thanh N tạo lập từ năm 1970, có đăng ký sổ mục kê, sau đó cho lại ông Lê Khải H1 sử dụng. Ủy ban xác định bà T có sử dụng đất nên mới ra thông báo nộp thuế năm 1994. Phía người bị kiện không cung cấp được chứng cứ chứng minh đất do ông Lê Văn L1 tạo lập. Đến năm 2003 do ông Lê Tấn P tranh chấp với bà T và có yêu cầu Ủy ban nhân dân T giải quyết, xã có văn bản yêu cầu các bên không sử dụng đất chờ giải quyết nên bà T không sử dụng được đất. Phía Ủy ban nhân dân T thừa nhận việc xã quản lý đất là do ông Lê Tấn Phong t cho nhưng đất vẫn đang tranh chấp, chỉ mới hòa giải không thành nên ông P không có quyền tặng cho.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh C là ông Lê Văn M phát biểu ý kiến không đồng ý kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khải H1 là bà Huỳnh Mỹ S phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng m1`inh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Theo người khởi kiện thì nguồn gốc phần đất có diện tích 12.000m^2 (đo đạc thực tế 7.979,8m^2) tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, được ghi nhận tại thửa số 10 theo hồ sơ địa chính lập năm 1990 do ông bà cho lại ông Lê Thanh N, và ông Lê Thanh N cho lại vợ chồng bà Võ Diệu T, ông Lê Khải H1

quản lý sử dụng từ năm 1970 cho đến năm 2003 thì không tiếp tục sử dụng do không có đường cống xổ nước. Trong diện tích 12.000m^2 thì có khoảng 1.000m^2 là đất nghĩa trang đã có từ trước đó. Năm 1985, nghĩa trang D1 đi nơi khác thì chính quyền địa phương có động viên vợ chồng bà Võ Diệu T đắp bờ bao khu đất để ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ cho việc trồng lúa của các thửa đất liền kề bên trong. Phần đất nêu trên đã được ông Lê Thanh N đăng ký sổ mục kê vào năm 1990 và đã đóng thuế sử dụng đất từ năm 1992. Năm 2002 thì xảy ra tranh chấp với ông Lê Tấn P và được chính quyền địa phương giải quyết, sau đó không còn tranh chấp.

Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm tờ "Cam kết" lập ngày 03/11/1991 (al); "Tờ giao kèo hóa đất" lập ngày 09/7/1995; Biên bản giải quyết "Tranh chấp đất đai khu vực nghĩa trang" lập ngày 09/7/1998; nội dung xác nhận của những người dân xung quanh (cùng thời kỳ) đã thể hiện nguồn gốc phần đất là của ông Lê Văn L1 khai phá, đến năm 1961 thì hiến cho Nhà nước để làm nghĩa trang L5.

[3] Quá trình quản lý, sử dụng đất mà phía người khởi kiện cho rằng đã quản lý, sử dụng từ năm 1970 nhưng người khởi kiện cũng xác định là vào năm 1986, nghĩa trang D1 đi nơi khác thì chính quyền địa phương có động viên vợ chồng bà Võ Diệu T đắp bờ bao khu đất để ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ cho việc trồng lúa của các thửa đất liền kề bên trong.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/STHC ngày 30/9/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HCPT ngày 16/01/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã thể hiện là vào năm 1977, ông Lê Thanh N được ông Lê Ngọc D cho hai phần đất tại thửa số 11 và thửa số 690 và cho mượn 02 phần đất tại thửa số 7 và thửa số 9 (giáp với phần đất của thửa số 10 hiện nay), kết quả giải quyết ông Lê Thanh N phải trả lại hai thửa đất số 7 và số 9 cho ông Lê Ngọc D. Từ năm 1986 về trước thì phần đất này do Nhà nước quản lý, sử dụng làm nghĩa trang. Từ năm 1986 cho đến năm 2002, tất cả các bên đều thừa nhận phần đất do ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T bao chiếm sử dụng vào mục đích ngăn mặn và nuôi tôm. Từ năm 2003, sau khi giải quyết tranh chấp với gia đình ông Lê Thanh P1 thì phần đất do Ủy ban nhân dân xã T quản lý cho đến nay.

[4] Theo nội dung nêu tại mục [2] và [3] thì nguồn gốc đất không thuộc gia đình ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T khai phá mà do ông Lê Văn L1 (ông nội của ông Lê Thanh P1) khai phá, và đã hiến cho Nhà nước dùng làm nghĩa trang từ năm 1961. Ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T bao chiếm, sử dụng từ năm 1986 cho đến năm 2002. Từ năm 2003 đến nay do Ủy ban nhân dân xã T quản lý, sử dụng. Từ năm 2003 đến thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Võ Diệu T, ông Lê Khải H1 không quản lý, sử dụng đất.

[5] Xét các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp gồm:

- Các lai thu tiền thuế thì các biên lai này không thể hiện cụ thể về diện tích đất; vị trí, thửa đất. Tại Văn bản số 298/CCTKV-TTTBTK ngày 29/02/2024 của Chi cục thuế khu vực I đã xác định là các Biên Lai thu thuế nông nghiệp,

Biên lai thu thuế sử dụng đất; Biên lai thu thuế nhà, đất; liên lưu giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2000 đã thất lạc, không tìm được do Đội thuế xã T – Thuộc Chi cục Thuế huyện Đ giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2000 đã thay đổi tên đội thuế nhiều lần, đến nay địa bàn xã T là Đội quản lý liên xã, phường S - Chi cục Thuế khu vực I quản lý trực tiếp. Cán bộ quản lý thu thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1992 đến nay đã nghỉ hưu, chuyển công tác bộ phận khác hoặc đơn vị, ngành khác.

Tại lời khai của ông Lê Thanh L2; ông Võ Văn L3 là những người thực hiện nhiệm vụ thu thuế tại khu vực có đất của ông Lê Thanh N đã xác định là khu vực đất tại thửa số 10 hiện nay được xác định là đất nghĩa trang, nên không có việc thu thuế "Biền lá, vuông đeo". Trong khi đó, tại khu vực có đất và thời gian cùng kỳ với thời gian nộp thuế, ông Lê Thanh N đứng tên đăng ký mục kê nhiều thửa đất (trong đó có các thửa đất số 7, 9, 10, 11). Bên cạnh đó, thời gian nộp thuế chỉ thể hiện từ năm 1992 đến năm 2000, đây cũng là thời gian mà vợ chồng bà Võ Diệu T quản lý, sử dụng đất. Tuy nhiên, trong tất cả các Biên lai thu thuế chỉ thể hiện việc nộp thuế cây trồng lâu năm và cây trồng hàng năm, trong khi thửa đất số 10 sử dụng nuôi tôm. Chỉ có 01 Thông báo nộp thuế "Biền lá, vuông đeo" vào năm 1998, nhưng không có Biên lai nộp thuế và không có vị trí thửa đất nộp thuế. Từ các cơ sở trên, không có đủ căn cứ để xác định các lai thu tiền thuế do người khởi kiện cung cấp là phần đất mà người khởi kiện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được phía hộ gia đình người khởi kiện nộp thuế đầy đủ trong thời gian sử dụng đất.

- Các đoạn ghi âm mà phía bà Võ Diệu T cung cấp đã được người khởi kiện thừa nhận nội dung là vào năm 2022 và 2023 Ủy ban xã T ngăn cản không cho bà Võ Diệu T vào quản lý, sử dụng đất và còn sử dụng cơ giới làm thay đổi hiện trạng. Hai đoạn ghi âm đã ghi lại cuộc đàm thoại giữa bà Võ Diệu T với đại diện Ủy ban nhân dân xã T (ông L4) nội dung là Ủy ban xã T ngăn cản không cho Chủ phương tiện cơ giới thi công cải tạo đất theo yêu cầu của bà Võ Diệu T và việc dùng cơ giới làm thay đổi hiện trạng đất trong khi Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chứng cứ này không có tác dụng chứng minh về quá trình sử dụng đất liên tục, ổn định theo ý kiến của bà Võ Diệu T, do nội dung ghi âm này được thực hiện vào năm 2022 và 2023, thời gian này bà Võ Diệu T đã khởi kiện và phần đất cũng đang do Ủy ban xã T quản lý, sử dụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã T thừa nhận là năm 2022 và 2023 Ủy ban xã có ngăn cản không cho bà Võ Diệu T đưa cơ giới vào cải tạo đất, do phần đất đang được Ủy ban xã T quản lý cũng như đang thực hiện quy hoạch Khu Trung tâm hành chính xã T. Từ đó, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến không yêu cầu giám định, kiểm tra 02 đoạn ghi âm mà bà Võ Diệu T đã nộp.

Mặt khác, tại thời điểm năm 2022- 2023, phần đất đã được cơ quan cấp có thẩm quyền quy hoạch Khu Trung tâm hành chính xã T nên việc Ủy ban nhân dân xã T ngăn cản không cho bà Võ Diệu T cải tạo, sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Đất đai.

[6] Tại Văn bản số 341/STNMT-TTr ngày 31/01/2024 của Sở T đã xác định là theo Hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì Bản đồ địa chính; Sổ mục kê ruộng đất ấp T, xã T do ông Lê Thanh N kê khai đăng ký, gồm 04 thửa đất:

- Thửa số 7, diện tích 28.170 m^2, loại đất Lá;

- Thửa số 9, diện tích 3.850m^2, loại đất Hg (hoang);

- Thửa số 10, diện tích 1.200 m^2, loại đất Lá;

- Thửa số 11, diện tích 4.180m^2, loại đất Hg (hoang).

Hồ sơ địa chính lập năm 1990 (Chỉnh lý hồ sơ địa chính thành lập theo Chỉ thị số 299) hiện nay do Trung tâm K1 lưu trữ thì thứ tự số thửa đất như trên được chỉnh lý như sau:

- Thửa số 7, diện tích 28.170m^2, loại đất Lá, được tách thành 03 thửa, gồm:

+ (1) Thửa số 690 (số thửa thêm), diện tích 7.800m^2, loại đất RTN/RR;

+ (2) Thửa số 7, diện tích 3.810m^2, loại đất Lá;

+ (3) Thửa số 10, diện tích 12.000 m^2, loại đất Lá *(thửa đất bà Võ Diệu T đang yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*.

- Thửa số 9, số A và thửa 11 được hợp lại thành 02 thửa:

+ Thửa số 9, diện tích 3.810m^2, loại đất Hg (hoang);

+ Thửa số 11, diện tích 4.180m^2, loại đất Hg (hoang).

Sổ Mục kê ruộng đất thể hiện giữ nguyên các thông tin về chủ sử dụng đất, diện tích loại đất theo bản đồ địa chính thành lập theo Chỉ thị 299 (trước năm 1990) do ông Lê Thanh N kê khai đăng ký.

Đối với thửa số 10 diện tích 1.500m^2, đứng tên ông Tô Huy P2 theo Sổ mục kê ruộng đất thì qua rà soát các bản đồ địa chính qua các thời kỳ không có thể hiện vị trí trên bản đồ đối với thửa số 10, có diện tích 1.500m^2. Còn sổ mục kê này là được chỉnh từ sổ mục kê ruộng đất của bản đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299 (trước năm 1990) và Bản đồ địa chính thành lập năm 1990, cụ thể là "Cột ghi chủ sử dụng đất tên Tô Huy P2 được ghi trùm lên sổ mục kê ruộng đất đứng tên "nt" là ông Lê Thanh N và phần diện tích 1.200m^2 được sửa thành diện tích 1.500m^2.

Như vậy, vị trí phần đất bà Võ Diệu T yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 10, diện tích 12.000m^2 *(theo sơ đồ địa chính thành lập năm 1990)* là thuộc một phần thửa số 7, so diện tích 28.170m^2, loại đất Lá của hệ thống sơ đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299.

Từ các căn cứ và diễn biến của quá trình sử dụng đất như đã nêu trên nhận thấy, trong tất cả các thửa đất do ông Lê Thanh N đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì các phần đất trên có nguồn gốc không phải do ông Lê Thanh N khai phá vì tại thửa đất số 11 và thửa 690 (thửa

tăng thêm) thể hiện là phần đất do ông Lê Ngọc D tặng cho ông Lê Thanh N. Còn thửa số 7 và thửa số 9 là phần đất của ông Lê Ngọc D cho ông Lê Thanh N mượn sử dụng và đã được giải quyết bằng Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật buộc ông Lê Thanh N giao trả lại đất cho ông Lê Ngọc D và thửa số 10 theo hồ sơ địa chính hiện nay là phần đất có nguồn gốc của ông Lê Văn L1.

[7] Phần đất tại thửa số 10 mà bà Võ Diệu T yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì sau khi hòa giải tranh chấp ông Lê Tấn P đã thống nhất ý kiến giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Ngày 20/9/2004, Sở Xây dựng tỉnh C ban hành Văn bản số 709/CV.SXD về việc thỏa thuận phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu Trung tâm xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và theo đó phần đất nói trên được quy hoạch là khu hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, với diện tích 10.735m^2(Mục 5.1). Ngày 30/10/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 190/QĐ-CTUB về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm hành chính xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau tỷ lệ 1/5000 và 1/2000 và phần đất trên thuộc phạm vi quy hoạch xây dựng khu hành chính với diện tích 10.735m^2. Ngày 29/01/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBNĐ về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở hành chính xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ngày 29/10/2021, Sở Xây dựng tỉnh có Quyết định số 226/QĐ-SXD về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở hành chính xã T, huyện Đ. Ngày 25/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Đ; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Đ. Trong đó, phân đất bà Võ Diệu T khởi kiện được quy hoạch là khu Trung tâm hành chính xã T, huyện Đ*)*.

[8] Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, ông Lê Tấn P hoàn toàn không đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho bà Võ Diệu T vì phần đất này là của ông bà, cha mẹ của ông Lê Tấn P khai phá. Ông Lê Tấn P chỉ đồng ý giao cho Ủy ban nhân dân xã Q, sử dụng vào mục đích phục vụ công cộng ở địa phương. Ngoài ra, tất cả những người dân trên khu vực thì qua lấy ý kiến của Hội đồng xét duyệt thì những người dân cũng đều không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên cho bà Võ Diệu T.

Tuy nhiên, tại thời điểm mà bà Võ Diệu T yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến hiện nay thì không có ai nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp đất. Nhưng trên thực tế các bên vẫn có các ý kiến không thống nhất với nhau và tranh chấp với nhau giữa hộ gia đình bà Võ Diệu T; hộ gia đình ông Lê Tấn P và Ủy ban nhân dân xã T về quyền sử dụng đối với phần đất có liên quan.

[9] Theo nhận định nêu trên thì phần đất mà bà Võ Diệu T yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần đất đã được ông Lê Thanh N đăng ký và được ghi nhận vào Sổ mục kê (thửa số 7, sau khi điều chỉnh là thửa số 10) là thuộc diện đất có giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai. Ngoài ra, bà T không chứng minh được đã quản lý sử dụng ổn định liên

tục phần đất vì ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T quản lý, sử dụng đất từ năm 1986 cho đến năm 2002 và từ năm 2003 đến nay ông Lê Khải H1, bà Võ Diệu T không quản lý sử dụng phần đất này. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ không chấp nhận yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đối với diện tích đất trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Diệu T, sinh năm 1949 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Võ Diệu T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Áp dụng Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; Điều 19, khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, được sửa đổi bổ sung tại các Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu T về việc:

Hủy Thông báo số: 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Hủy Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Hủy Quyết định số: 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Diệu T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Cà Mau (1);
– VKSND tỉnh Cà Mau (1);
– Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
– Các đương sự (11);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 22b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình